

UBND HUYỆN HẢI HẬU
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH BỔ SUNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024 KINH PHÍ CHUYỂN XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN CHO
CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS TRONG HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 755/QĐ-PGDĐT ngày 13/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Đvt: đồng				
S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Số tiền
	TỔNG CỘNG			3.734.806.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ được bổ sung sau ngày 30/9 (Mã nguồn 15)			3.734.806.000
1	MN Hải An	1129464	622-071	-
2	MN Hải Anh	1129463	622-071	-
3	MN Hải Bắc	1129462	622-071	-
4	MN TT Cồn	1129461	622-071	43.123.000
5	MN Hải Cường	1129460	622-071	9.959.000
6	MN Hải Châu	1129459	622-071	-
7	MN Hải Chính	1129458	622-071	-
8	MN Hải Đông	1129457	622-071	-
9	MN Hải Đường	1129456	622-071	14.015.000
10	MN Hải Giang	1129455	622-071	-
11	MN Hải Hà	1129454	622-071	-
12	MN Hải Hoà	1129453	622-071	-
13	MN Hải Hưng	1129452	622-071	41.464.000
14	MN Hải Long	1129451	622-071	14.358.000
15	MN Hải Lộc	1129450	622-071	20.073.000
16	MN Hải Lý	1129449	622-071	25.386.000
17	MN Hải Nam	1129447	622-071	-
18	MN Hải Ninh	1129446	622-071	-
19	MN Hải Minh	1129448	622-071	-
20	MN Hải Phong	1129445	622-071	31.136.000
21	MN Hải Phúc	1129443	622-071	-
22	MN Hải Phú	1129444	622-071	-
23	MN Hải Phương	1129442	622-071	25.420.000
24	MN Hải Quang	1129441	622-071	-
25	MN Hải Sơn	1129440	622-071	-
26	MN Hải Tân	1129439	622-071	-
27	MN Hải Tây	1129438	622-071	3.130.000
28	MN Hải Thanh	1129436	622-071	-
29	MN Thịnh Long	1129435	622-071	-
30	MN Hải Trung	1129434	622-071	-
31	MN Hải Triều	1129433	622-071	-
32	MN Hải Vân	1129432	622-071	-
33	MN Hải Xuân	1129431	622-071	12.615.000
34	MN Yên Định	1129430	622-071	16.295.000
	Cộng Mầm non			256.974.000
1	Tiểu học Hải An	1107981	622-072	95.069.000
2	Tiểu học Hải Anh	1107982	622-072	179.275.000
3	Tiểu học Hải Bắc	1107985	622-072	40.798.000
4	Tiểu học TT Cồn	1102673	622-072	109.090.000
5	Tiểu học Hải Cường	1107986	622-072	37.924.000
6	Tiểu học Hải Châu	1107987	622-072	22.720.000
7	Tiểu học Hải Chính	1107988	622-072	87.249.000
8	Tiểu học Hải Đông	1102686	622-072	126.240.000
9	Tiểu học Hải Đường	1107989	622-072	184.789.000
10	Tiểu học Hải Giang	1107991	622-072	-
11	Tiểu học Hải Hà	1107992	622-072	19.629.000
12	Tiểu học Hải Hoà	1102688	622-072	104.952.000
13	Tiểu học Hải Hưng	1102690	622-072	76.164.000
14	Tiểu học Hải Long	1107993	622-072	67.918.000
15	Tiểu học Hải Lộc	1107994	622-072	10.122.000

S TT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Số tiền
16	Tiểu học Hải Lý	1102691	622-072	59.696.000
17	Tiểu học Hải Nam	1103983	622-072	-
18	Tiểu học Hải Ninh	1107996	622-072	-
19	Tiểu học Hải Minh	1107995	622-072	288.802.000
20	Tiểu học Hải Phong	1107997	622-072	-
21	Tiểu học Hải Phúc	1107998	622-072	18.860.000
22	Tiểu học Hải Phú	1102677	622-072	79.222.000
23	Tiểu học Hải Phương	1102678	622-072	56.590.000
24	Tiểu học Hải Quang	1107999	622-072	56.768.000
25	Tiểu học Hải Sơn	1108000	622-072	39.014.000
26	Tiểu học Hải Tân	1108001	622-072	38.789.000
27	Tiểu học Hải Tây	1108003	622-072	52.490.000
28	Tiểu học Hải Thanh	1108005	622-072	20.420.000
29	Tiểu học Thịnh Long	1102679	622-072	237.577.000
30	Tiểu học Hải Trung	1102681	622-072	-
31	Tiểu học Hải Triều	1108008	622-072	14.820.000
32	Tiểu học Hải Vân	1102684	622-072	78.870.000
33	Tiểu học Hải Xuân	1102685	622-072	38.501.000
34	Tiểu học Yên Định	1108009	622-072	72.103.000
	Cộng Tiểu học			2.314.461.000
1	THCS Hải An	1004331	622-073	17.178.000
2	THCS Hải Anh	1004332	622-073	84.365.000
3	THCS Hải Bắc	1004452	622-073	5.565.000
4	THCS TT cồn	1001415	622-073	6.359.000
5	THCS Hải Cường	1001416	622-073	-
6	THCS Hải Châu	1004621	622-073	3.099.000
7	THCS Hải Chính	1004622	622-073	1.257.000
8	THCS Hải Đông	1004623	622-073	-
9	THCS Hải Đường	1001418	622-073	44.683.000
10	THCS Hải Giang	1001420	622-073	31.458.000
11	THCS Hải Hà	1004725	622-073	-
12	THCS Hải Hòa	1001432	622-073	42.741.000
13	THCS Hải Hưng	1001433	622-073	39.553.000
14	THCS Hải Long	1001434	622-073	31.609.000
15	THCS Hải Lộc	1001435	622-073	9.884.000
16	THCS Hải Lý	1001436	622-073	60.270.000
17	THCS Hải Nam	1001427	622-073	3.250.000
18	THCS Hải Ninh	1010122	622-073	38.764.000
19	THCS Hải Minh	1010092	622-073	85.670.000
20	THCS Hải Phong	1010085	622-073	1.832.000
21	THCS Hải Phúc	1010086	622-073	40.850.000
22	THCS Hải Phú	1010087	622-073	36.237.000
23	THCS Hải Phương	1002589	622-073	89.209.000
24	THCS Hải Quang	1010088	622-073	35.076.000
25	THCS Hải Sơn	1010125	622-073	65.322.000
26	THCS Hải Tân	1080195	622-073	-
27	THCS Hải Tây	1079949	622-073	-
28	THCS Hải Thanh	1080051	622-073	19.161.000
29	THCS Thịnh Long	1010095	622-073	77.581.000
30	THCS Hải Trung	1010096	622-073	17.125.000
31	THCS Hải Triều	1002486	622-073	87.945.000
32	THCS Hải Vân	1001858	622-073	31.561.000
33	THCS Hải Xuân	1002592	622-073	28.914.000
34	THCS Yên Định	1002593	622-073	49.395.000
35	THCS Hải Hậu	1002487	622-073	77.458.000
	Cộng THCS			1.163.371.000